

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BỆNH VIỆN TNH
TNH HOSPITAL GROUP JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số: 1017/2024/CBTT-TNH
Number: 1017/2024/CBTT-TNH

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2024
Thai Nguyen, October 24, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
DISCLOSURE OF UNUSUAL INFORMATION

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

Đồng kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

To: - Vietnam Stock Exchange
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

And to: State Securities Commission

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH

1. Organization name: TNH Hospital Group Joint Stock Company

Mã chứng khoán: TNH

Stock code: TNH

Địa chỉ: Số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Address: No. 328, Luong Ngoc Quyen Street, Dong Quang Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province.

Điện thoại: 0208 628 5658

Phone: 0208 628 5658

Email: ir.tnh@tnh.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH thông báo về việc đã ban hành Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số. 1015/BC-TNH ngày 24/10/2024.

The TNH Hospital Group Joint Stock Company announces the issuance of the Report on the results of the public stock offering No. 1015/BC-TNH dated 24/10/2024.

(Chi tiết xem tại Báo cáo kết quả đính kèm).

(For details, see the attached results report)

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày tháng năm 2024 tại đường dẫn: <http://tnh.com.vn/>

3. This information was published on the company's website on October 24, 2024 at the link: <http://tnh.com.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information./

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu liên quan đến CBTT
Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra
công chúng số 1015/BC-TNH
ngày 24/10/2024.

Attached documents:

- Documents related to information
disclosure
The Report on the results of the public stock
offering No. 1015/BC-TNH dated
24/10/2024.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS**



Hoàng Tuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BỆNH VIỆN TNH
TNH HOSPITAL GROUP JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: ~~105~~/BC-TNH
Number: ~~105~~/BC-TNH

Thái Nguyên, ngày ~~24~~ tháng ~~10~~ năm 2024
Thai Nguyen, October ~~24~~, 2024

BÁO CÁO
Kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng
REPORT
Public offering results

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 123/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/09/2024)

(According to Certificate of registration for public offering of shares No. 123/GCN-
UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on September 4, 2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: State Securities Commission

A. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

A. WITH ISSUING ORGANIZATIONS

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

I. Introduction of the Issuer

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH
Full name of the issuing organization: TNH Hospital Group Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TNH.,JSC
Abbreviation: TNH.,JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 328 đường Lương Ngọc Quyên, phường Đồng Quang, TP.
Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Head office address: No. 328 Luong Ngoc Quyen Street, Dong Quang Ward, Thai
Nguyen City, Thai Nguyen Province
- Số điện thoại: (84.208) 628 5658
Phone number: (84.208) 628 5658 Fax: (84.208) 628 5658
Website: <https://tnh.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 1.101.745.800.000 đồng.
Charter capital: 1,101,745,800,000 VND
- Mã cổ phiếu: TNH
Stock code: TNH
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi
nhánh Thái Nguyên
Số hiệu tài khoản: 39010006661666

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

Place to open payment account: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Thai Nguyen branch

Account number: 39010006661666

8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4601039023 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2024.

Certificate of Business Registration: Business registration certificate No. 4601039023 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen Province for the first time on March 19, 2012, changed for the 12th time on July 8, 2024

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Main business lines:

STT No.	Tên ngành, nghề kinh doanh Name of business	Mã ngành Code
1	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Dịch vụ bệnh viện (CPC 9311); Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh (CPC 9312) <i>Activities of hospitals and medical stations</i> <i>Details: Hospital services (CPC 9311); Dental and medical examination services (CPC 9312)</i>	8610 (Chính) 8610 (Main)
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn (CPC 64110) <i>Short-term accommodation services</i> <i>Details: Hotel accommodation arrangement service (CPC 64110)</i>	5510
3	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643) <i>Restaurants and mobile food services</i> <i>Details: Food (CPC 642) and beverage (CPC 643) provision services</i>	5610
4	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Dịch vụ bệnh viện (CPC 9311); Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh (CPC 9312) <i>The operation of general clinics, specialized clinics, and dental clinics</i> <i>Details: Hospital services (CPC 9311); Dental and medical examination services (CPC 9312)</i>	8620
5	Hoạt động y tế dự phòng Chi tiết: Hoạt động tiêm chủng; Dịch vụ tiêm (chích) vaccin phòng bệnh <i>Preventive health activities</i> <i>Details: Vaccination activities; Vaccine injection services</i>	8691

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Khám, chữa bệnh.
 - *Main products/services: Medical examination and treatment.*
9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
- License to establish and operate (if required by specialized laws):*
- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 29/10/2019 cho Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;
Medical examination and treatment license No. 134/BYT-GPHĐ issued by the Ministry of Health on October 29, 2019 to Thai Nguyen International Hospital;
 - Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 10/08/2021 cho Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên.
Medical examination and treatment license No. 261/BYT-GPHĐ issued by the Ministry of Health on August 10, 2021 to Yen Binh Thai Nguyen General Hospital.

II. Phương án chào bán

II. Offering plan

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH
Stock name: TNH Hospital Group Joint Stock Company Stock
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Stock type: Common stock
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 15.202.000 cổ phiếu
Number of shares offered: 15,202,000 shares
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Offering price: 10,000 VND/share.
5. Tổng giá trị vốn huy động: 152.020.000.000 đồng.
Total capital raised: VND 152,020,000,000.
6. Phương thức phân phối:
Distribution method:
 - Phương thức đăng ký: Thực hiện quyền.
Registration method: Exercise rights
 - Thanh toán tiền mua cổ phiếu: Nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
Payment for stock purchase: Deposit money into blocked account.
7. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày 24/09/2024 đến ngày 23/10/2024
Time to receive purchase registration and deposit: From September 24, 2024 to October 23, 2024.
 - Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng: Đăng ký mua và nộp tiền từ ngày 24/09/2024 đến ngày 14/10/2024

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

Existing shareholders exercising their right to purchase shares in the public offering: Register to purchase and pay from September 24, 2024 to October 14, 2024

- Phân phối số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ: Từ ngày 22/10/2024 đến ngày 23/10/2024

Distribution of odd shares arising from rounding and shares that existing shareholders did not register to buy or pay for in the public offering to increase charter capital: From October 22, 2024 to October 23, 2024.

- Ngày kết thúc đợt chào bán: Ngày 23/10/2024

Offering End Date: October 23, 2024.

- Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong tháng 11-12/2024, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).

Expected date of stock transfer: Expected in November-December 2024, after the Company completes the procedures for registering additional securities at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and registering for additional listing at the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HSX).

III. Kết quả chào bán cổ phiếu

III. Stock offering results

Đối tượng mua cổ phiếu/ Stock purchase object	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)/ Offering price (VND/share)	Số cổ phiếu chào bán/ Number of shares offered	Số cổ phiếu được đăng ký mua/ Number of shares registered for purchase	Số cổ phiếu được phân phối/ Number of shares distributed	Số nhà đầu tư đăng ký mua/ Number of investors registered to buy	Số nhà đầu tư được phân phối/ Number of investors distributed	Số nhà đầu tư không được phân phối/ Number of investors not distributed	Số cổ phiếu còn lại/ Number of shares remaining	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (%)/Percentage of shares distributed (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng/ Public offering of	10.000	15.202.000	14.767.814	14.767.814	3.278	3.278	0	434.186	97,14%

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

Đối tượng mua cổ phiếu/ Stock purchase object	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)/ Offering price (VND/share)	Số cổ phiếu chào bán/ Number of shares offered	Số cổ phiếu được đăng ký mua/ Number of shares registered for purchase	Số cổ phiếu được phân phối/ Number of shares distributed	Số nhà đầu tư đăng ký mua/ Number of investors registered to buy	Số nhà đầu tư được phân phối/ Number of investors distributed	Số nhà đầu tư không được phân phối/ Number of investors not distributed	Số cổ phiếu còn lại/ Number of shares remaining	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (%) / Percentage of shares distributed (%)
shares									
2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết/ Handling of undistributed shares	10.000	434.186	434.186	434.186	3(*)	3(*)	0	0	2,86%
Tổng số/ Total	10.000	15.202.000	15.202.000	15.202.000	3.278	3.278	0	0	100%
1. Nhà đầu tư trong nước/ Domestic investors	10.000	8.077.904	8.077.904	8.077.904	3.185	3.185	0	0	53,14%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Foreign investors, Economic organizations with foreign investors holding more than	10.000	7.124.096	7.124.096	7.124.096	93	93	0	0	46,86%

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

Đối tượng mua cổ phiếu/ <i>Stock purchase object</i>	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)/ <i>Offering price (VND/share)</i>	Số cổ phiếu chào bán/ <i>Number of shares offered</i>	Số cổ phiếu được đăng ký mua/ <i>Number of shares registered for purchase</i>	Số cổ phiếu được phân phối/ <i>Number of shares distributed</i>	Số nhà đầu tư đăng ký mua/ <i>Number of investors registered to buy</i>	Số nhà đầu tư được phân phối/ <i>Number of investors distributed</i>	Số nhà đầu tư không được phân phối/ <i>Number of investors not distributed</i>	Số cổ phiếu còn lại/ <i>Number of shares remaining</i>	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (%) / <i>Percentage of shares distributed (%)</i>
50% of charter capital									
Tổng số/ Total	10.000	15.202.000	15.202.000	15.202.000	3.278	3.278	0	0	100%

(*) 3 nhà đầu tư tham gia mua cổ phần trong đợt xử lý cổ phiếu không chào bán hết đồng thời là cổ đông đã tham gia thực hiện quyền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu.

(*) 3 investors participating in the purchase of shares during the handling of unsold shares are also shareholders who exercised their rights to purchase shares offered to existing shareholders.

- Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối cổ phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng: Không có

In case of underwriting, state the results of distributing shares to the underwriting organization according to the commitment in the contract: None

- Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại một hoặc một số nhà đầu tư xác định:

In case of distributing the remaining shares to one or several specific investors:

Số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất và tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm báo cáo này.

The number of shares, the offering ratio for each investor and their related persons on the charter capital in this offering and in the offerings and issuances in the last 12 months and the ownership ratio of each investor and their related persons after the offering are detailed in Appendix 01 attached to this report.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán cổ phiếu

IV. Summary of stock offering results

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 15.202.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

1. Total number of shares distributed: 15,202,000 shares, equivalent to 100% of the total shares offered, of which:

- Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành: 15.202.000 cổ phiếu;

Number of shares of the Issuer: 15,202,000 share;

2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 152.020.000.000 đồng, trong đó:

2. Total proceeds from the offering: VND 152.020.000.000, of which:

- Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 152.020.000.000 đồng;

Total amount of the Issuer: 152.020.000.000 VND

3. Tổng chi phí: 256.800.000 đồng.

3. Total cost: 256,800,000 VND.

- Phí cấp phép chào bán: 17.500.000 đồng.

Offering license fee: 17,500,000 VND.

- Phí tư vấn chào bán: 154.000.000 đồng.

Consulting fee for offering 154,000,000 VND.

- Phí chốt danh sách thực hiện quyền: 14.000.000 đồng.

Fee for closing the list of rights exercise: 14,000,000 VND.

- Chi phí chuyển tiền của VSDC: 1.100.000 đồng.

VSDC money transfer fee: 1,100,000 VND.

- Chi phí công bố thông tin: 16.200.000 đồng.

Information disclosure cost: 16,200,000 VND.

- Phí kiểm toán vốn chủ sở hữu dự kiến: 54.000.000 đồng.

Estimated equity audit fee: 54,000,000 VND.

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 151.763.200.000 đồng.

4. Total net proceeds from the offering: 151,763,200,000 VND.

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

V. Capital structure of the Issuer after the offering

1. Cơ cấu vốn

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

1. Capital structure

TT No.	Danh mục Category	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Số cổ phần sở hữu Number of shares owned	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá Par value of shares owned	Tỷ lệ sở hữu Ownership ratio
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài/ Domestic and foreign shareholders	5.117	125.376.580	1.253.765.800.000	100%
1	Trong nước/ Domestic	4.980	65.523.600	655.236.000.000	52,26%
1.1	Nhà nước/ State	0	0	0	0%
1.2	Tổ chức/ Organization	16	2.679.540	26.795.400.000	2,14%
1.3	Cá nhân/ Individual	4.964	62.844.060	628.440.600.000	50,12%
2	Nước ngoài/ Foreign	137	59.852.980	598.529.800.000	47,74%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Foreign organizations, Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital	39	59.017.882	590.178.820.000	47,07%
2.2	Cá nhân Individual	98	835.098	8.350.980.000	0,67%
	Tổng cộng (1 + 2) Total (1 + 2)	5.117	125.376.580	1.253.765.800.000	100%
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác Founding shareholders, major shareholders, other shareholders	5.117	125.376.580	1.253.765.800.000	100%
1	Cổ đông sáng lập Founding shareholder	0	0	0	0%
2	Cổ đông lớn	4	41.608.736	416.087.360.000	33,19%

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

TT No.	Danh mục Category	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Số cổ phần sở hữu Number of shares owned	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá Par value of shares owned	Tỷ lệ sở hữu Ownership ratio
	Major shareholder				
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết Shareholders holding less than 5% of voting shares	5.113	83.767.844	837.678.440.000	66,81%
	Tổng cộng (2 + 3) Total (2 + 3)	5.117	125.376.580	1.253.765.800.000	100%

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

2. List and ownership ratio of major shareholders

TT No.	Tên cổ đông Shareholder name	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu Business Registration Certificate No. or other equivalent document/ Identity Card/Citizen Identification Card/Passport	Số cổ phần sở hữu Number of shares own	Tỷ lệ sở hữu Ownership ratio
1	HOÀNG TUYỀN		8.364.159	6,67%
2	ACCESS S.A.. SICAV- SIF - ASIA TOP PICKS		8.685.070	6,93%
3	BLOOMING EARTH PTE. LTD.		11.379.810	9,08%
4	KWE BETEILIGUNGEN AG		13.179.697	10,51%

VI. Tài liệu gửi kèm

VI. Attached documents

1. Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;

1. Confirmation document from the bank where the blocked account is opened regarding the amount of money received from the offering;

2. Nghị quyết HĐQT số 1009/2024/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ.

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên

When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

2. Board of Directors Resolution No 1009/2024/NQ-HĐQT on October 22, 2024 on Handling of odd shares arising from rounding and shares that existing shareholders do not register to buy or do not pay for in the public offering of shares to increase charter capital./

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2024

Thai Nguyen, October 24, 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

BỆNH VIỆN TNH

CHỦ TỊCH HĐQT

TNH HOSPITAL GROUP JOINT

STOCK COMPANY

CHAIRMAN OF BOARD OF

DIRECTORS



Hoàng Tuyên

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

APPENDIX 01

PHỤ LỤC DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC PHÂN PHỐI LẠI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU LẺ PHÁT SINH DO LÀM TRÒN VÀ CỔ PHIẾU CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU KHÔNG ĐĂNG KÝ MUA, KHÔNG NỘP TIỀN MUA

APPENDIX LIST OF INVESTORS

THAT ARE REDISTRIBUTED WITH THE FRACTIONAL SHARES ARISING DUE TO ROUNDING AND SHARES THAT
EXISTING SHAREHOLDERS DON'T REGISTER TO BUY OR DON'T PAY FOR PURCHASE

STT No.	Họ và Tên Full name	SLCP sở hữu tại ngày 18/09/2024 (trước đợt chào bán) Shares Owned as of September 18, 2024 (Before the Offering)	SLCP được phân phối trong đợt chào bán này Number of Shares Distributed in This Offering			Tỷ lệ số lượng cổ phiếu được phân phối trong đợt chào bán này trên SLCP đang lưu hành Ratio of Shares Distributed in This Offering to Total Outstanding Shares	Tỷ lệ SLCP sở hữu sau đợt chào bán Shareholding Ratio After the Offering	Mối liên hệ của nhà đầu tư với Công ty/Người nội bộ của Công ty/ Cổ đông lớn của Công ty Mối liên hệ của Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán với nhà đầu tư được phân phối Relationship of Investor with the Company/Insider of the Company/Major Shareholder of the Company Relationship of Related Persons Holding Shares,
			SLCP thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu Shares Exercising the Right to Purchase Shares Offered to Existing Shareholders	SLCP được phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua Shares Allocated for Odd Shares Arising from Rounding Off and Shares from	Tổng cộng Total			

Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority



				<i>Existing Shareholders Who Did Not Register or Pay for the Purchase</i>				<i>Buying Shares in the Offering with the Allocated Investor</i>
1	Nguyễn Thị Hồng Lan	48.186	6.623	100.000	106.623	0,096	0,123	Cổ đông Shareholder
	<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán Related persons holding shares, purchasing shares in the offering</i>	0	0	0	0	0	0	Không None
2	Nguyễn Tuấn Phương	56.436	7.761	150.000	157.761	0,143	0,170	Cổ đông Shareholder
	<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua</i>	0	0	0	0	0	0	Không None



Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority

	<i>cổ phiếu trong đợt chào bán Related persons holding shares, purchasing shares in the offering</i>							
3	Đàm Trung Thành	50.259	6.924	184.186	191.110	0,173	0,156	Cổ đông Shareholder
	<i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán Related persons holding shares, purchasing shares in the offering</i>	0	0	0	0	0	0	Không None



Khi không có sự đồng nhất về nội dung thì bản tiếng việt sẽ được ưu tiên
When there is inconsistency in content, the Vietnamese version will be given priority